

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị A**, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 44 Bùi L, tổ 11, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn*: Ông **Đinh Phước T**, sinh năm 1988; địa chỉ: 113/9 Phó Đức C, tổ 79, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/01/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị A và ông Đinh Phước T
(Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị A và ông Đinh Phước T nên giấy

chứng nhận kết hôn số 141/2014; quyển số 01/2013 do UBND phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 26/11/2014 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị A và ông Đinh Phước T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con Đinh Phước Ánh N, sinh ngày 04/6/2015 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà A và ông T thỏa thuận:

+ Giao cho ông T được toàn quyền quản lý, sở hữu ngôi nhà tại địa chỉ: 113/19 Phó Đức Chính, tổ 79, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT_s129728 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/6/2017 đứng tên ông Đinh Phước T và bà Lê Thị A. Trị giá phần tài sản ông Đinh Phước T được chia là: 1.080.540.840 đồng. *(Một tỷ không trăm tám mươi triệu năm trăm bốn mươi ngàn tám trăm bốn mươi đồng).*

+ Ông Đinh Phước T có nghĩa vụ bồi trả phần giá trị chênh lệch từ việc phân chia tài sản chung cho bà Lê Thị A với số tiền là: 720.360.000 đồng. *(Bảy trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Đinh Phước T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật sau khi hoàn tất các nghĩa vụ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí tố tụng: Các bên đương sự tự nguyện chịu (*Đã nộp, đã chi*).

- Án phí:

+ Bà Lê Thị A phải chịu án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn*) và án phí DS-ST (*chia tài sản chung*): 16.407.200 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn hai trăm đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.300.000 đồng theo biên lai thu số 3040 ngày 27/10/2021. Bà A còn phải tiếp tục nộp số tiền: 8.257.000 đồng. (*Tám triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn đồng*).

+ Ông Đinh Phước T phải chịu án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn*) và án phí DS-ST (*chia tài sản chung*): 22.208.112 đồng (*Hai mươi hai triệu hai trăm lẻ tám ngàn một trăm mười hai đồng*).

- Về nợ chung: Bà A và ông T xác định không có.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường Mỹ An, quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh

